

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2019/HNGĐ-ST
Ngày 27/ 11/ 2019
V/v : *Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Thủy.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Nguyễn Quang Khải.
2. Ông: Lò Văn Thương.

- Th- ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên.

Ngày 27/11/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 278/2019/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2019 về việc: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn* theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 69/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 04/11/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2019/QĐST - HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị N, sinh năm 1983.
Trú tại: Đội 6, xã T, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

2. *Bị đơn:* Anh Hoàng Thế T, sinh năm 1982.
Trú tại: Đội 6, xã T, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

(Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 22/8/2019 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, chị Phạm Thị N (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị N và anh T lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Điện Biên vào ngày 10/6/2016. Kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T chơi bời, cờ bạc, lơ đãng dẫn đến tình trạng nợ nần, vay nặng lãi nhiều người đến đòi nợ gây áp lực về kinh tế cho gia đình. Chị N đã khuyên can nhiều lần nhưng anh T vẫn không từ bỏ, chính vì chuyện nợ nần nên anh T đã xin nghỉ việc, để đi ra làm bên ngoài. Xuất phát từ lý do này mà vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh T không lo được kinh tế gia đình lại còn thường xuyên xúc phạm đe dọa và có hành vi bạo lực đối với chị N. Chị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

2. Về con chung: Chị N và anh T có với nhau 01 con chung tên là Hoàng Đ, sinh ngày 05/05/2018. Hiện cháu chưa được 03 tuổi và đang ở cùng với chị N. Chị N có nguyện vọng xin được nuôi cháu Đ cho đến khi trưởng thành. Việc cấp dưỡng nuôi con chị N và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản: Tài sản riêng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về; diện tích đất ruộng nương: Không có.

Tại bản tự khai ngày 17/10/2019 anh Hoàng Thế T (bị đơn) trình bày như sau:

1. Về hôn nhân: Anh T và chị N đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 10/6/2016 tại UBND xã T, huyện Điện Biên. Kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Trong thời gian sống với nhau vợ chồng sống hạnh phúc đến giữa năm 2018 đến nay tình cảm đi xuống, vợ chồng thường xuyên to tiếng với nhau, nguyên nhân chính cũng do bản thân anh T còn ham chơi vào đồ đen, lơ đãng dẫn đến nợ nần kinh tế gia đình khó khăn, dẫn đến vợ chồng lục đục to tiếng với nhau, tình cảm không được như trước, chị N đòi viết đơn ly hôn anh T không đồng ý ly hôn.

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Hoàng Đ, sinh ngày 05/5/2018, do cháu còn rất nhỏ nên anh T không muốn ly hôn, để cháu có một tuổi thơ thoải mái có bố và có mẹ. Còn T hợp chị N nhất quyết đòi ly hôn thì anh T cũng mong quý Tòa xem xét tạo điều kiện để cho anh T đi lại thăm con và đưa đón cháu đi chơi hoặc về quê nội khi gia đình có việc. Về việc nuôi dưỡng con chung anh T và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung: Không có; nợ phải trả: Tự thỏa thuận; nợ lấy về; diện tích đất ruộng nương: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” giữa chị Phạm Thị N và anh Hoàng Thế T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên được quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Hoàng Thế T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đầy đủ các qui định của pháp luật về điều kiện kết hôn và nghi thức kết hôn do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T chơi bời, lơ đãng, cờ bạc dẫn đến nợ nần, ảnh hưởng trầm trọng đến kinh tế gia đình. Xuất phát từ việc nợ nần nên anh T đã làm đơn xin nghỉ việc, đi làm ăn xa để kiếm tiền trả nợ, từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, tình cảm không thể hàn gắn chị N làm đơn xin ly hôn. Tại bản tự khai anh T cũng xác nhận nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do lỗi của anh T đã ham chơi vào đỏ đen, lơ đãng dẫn đến nợ nần, kinh tế gia đình khó khăn, dẫn đến vợ chồng lục đục to tiếng với nhau, tình cảm không còn như trước, anh không muốn ly hôn vì lý do con chung giữa hai vợ chồng còn nhỏ. Tòa án đã mở phiên hòa giải để phân tích, hòa giải hàn gắn hạnh phúc gia đình giữa chị N và anh T, nhưng anh T không có mặt tại phiên hòa giải, chị N vẫn cương quyết xin ly hôn. Ngoài ra theo đơn đề nghị của chị N xác nhận tại UBND xã T đã thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như anh T và chị N đã trình bày tại các bản tự khai. Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị N và anh T đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được do vậy nguyện vọng xin ly hôn của chị N là phù hợp với qui định tại điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[2.2]. Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung là cháu Hoàng Đ, sinh ngày 05/5/2018. Chị N có nguyện vọng xin được nuôi cháu Đ cho đến khi trưởng thành. Tại bản tự khai anh T trình bày, nếu chị N cương quyết ly hôn thì đề nghị chị N tạo điều kiện cho anh được thăm nom, đưa đón cháu nếu như gia đình ở quê có việc. HĐXX xét thấy việc giao con chung cho ai nuôi cần phải xem xét vào

quyền lợi về mọi mặt, điều kiện, môi trường nuôi dưỡng đối với trẻ em, cháu Đ chưa đủ 36 tháng tuổi do vậy xem xét về điều kiện nuôi con và theo qui định của pháp luật để giao cháu Đ cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do vậy nguyện vọng của chị N là phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình HĐXX chấp nhận nguyện vọng của chị N. Giao cháu Hoàng Đ cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động hoặc cho đến khi có thay đổi khác. Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm con không ai được cản trở.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về tài sản: Trong quá trình giải quyết vụ án chị N và anh T đều thống nhất thỏa thuận: Tài sản riêng; tài sản chung: Không có; nợ phải trả: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ lấy về; Diện tích ruộng, nương: Không có.

[2.5]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, chị N đã nộp tạm ứng số tiền 300.000đ theo biên lai số: AA/2016/0003244 ngày 22/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Điện Biên. (Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 235; 264 và 267 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 70, 71, 72, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Hoàng Thế T.

2. Về con chung:

- Giao cháu Hoàng Đ, sinh ngày 05/5/2018 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động, có tài sản để tự nuôi mình hoặc cho đến khi có thay đổi khác.

Việc cấp dưỡng nuôi con chị N và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, trong T hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung: Không có; nợ phải trả: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ lấy về; Diện tích ruộng, nương: Không có.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, chị N đã nộp tạm ứng số tiền 300.000đ theo biên lai số: AA/2016/0003244 ngày 22/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Điện Biên. (Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (27/11/2019). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện DB;
- Chi cục THA huyện DB;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thanh Thủy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ